

CHÍNH PHỦ



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN LUẬT HÓA CHẤT (SỬA ĐỔI)

(Kèm theo Tờ trình số ngày của Chính phủ)

Hà Nội, 2024

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO****Đánh giá tác động chính sách của Dự án
Luật Hóa chất (sửa đổi)****I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 là sự thể chế hoá, hiện thực và cụ thể hoá một cách nhanh chóng và kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Sự ra đời của Luật Hóa chất là dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng và tạo lập một hành lang pháp lý chính thức và thống nhất cho các hoạt động hóa chất trên cả nước.

Nhìn nhận và đánh giá một cách tổng thể, Luật Hóa chất tương đối toàn diện và tiên bộ, với các chế định được thiết kế phù hợp với hoàn cảnh và các điều kiện kinh tế cụ thể của ngành hóa chất Việt Nam, đồng thời phù hợp với xu hướng phát triển chung của quản lý hóa chất trên thế giới. Luật Hóa chất đã được sửa đổi, bổ sung một lần theo Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch, theo đó việc sửa đổi này chỉ bao gồm bãi bỏ các nội dung liên quan đến quy hoạch ngành hóa chất để phù hợp với Luật Quy hoạch, không thay đổi đối tượng, phạm vi hay các chính sách quản lý hóa chất của Luật. Như vậy, Luật Hóa chất đã có 15 năm thi hành ổn định, có thể nói là một trong những Luật chuyên ngành có thời gian thi hành ổn định lâu nhất.

Thực hiện quy định của Luật Hóa chất số 06/2007/QH12, tiếp nối Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2010 có tính đến năm 2020⁽¹⁾, Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030⁽²⁾ đã được thực thi và mang lại những hiệu quả tích cực.

Ngành công nghiệp hóa chất tuy chưa đạt được đầy đủ các mục tiêu đề ra nhưng cũng đã có bước phát triển mạnh mẽ. Đến nay, đã hình thành được những tổ chức nghiên cứu, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực của ngành hóa chất, tổ chức bộ máy quản lý cùng với công cụ quản lý hóa chất ngày càng hoàn thiện. Công nghiệp hoá chất duy trì được mức tăng trưởng ổn định qua các năm

¹ Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2010 (có tính đến năm 2020) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 207/2005/QĐ-TTg Ngày 18 tháng 8 năm 2005.

² Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2013.

với một loạt dự án lớn đi vào hoạt động. Trong những năm đầu thập niên 2010, ngành công nghiệp hóa chất đã đạt mức tăng trưởng trung bình 16%/năm và ở mức 7-8% trong những năm cuối thập niên, năng suất lao động cao (bằng 1,36 lần năng suất lao động trung bình của toàn ngành công nghiệp). Một số lĩnh vực của ngành công nghiệp hóa chất đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu trong nước như: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, sẫm lớp, sơn thông dụng, sản phẩm tẩy rửa, tiền chất thuốc nổ (NH_4NO_3). Chúng loại sản phẩm trong nước sản xuất được đã đa dạng hơn. Hầu hết các dự án trong giai đoạn gần đây sử dụng công nghệ tiên tiến, tiệm cận với trình độ khu vực và thế giới, các yếu tố an toàn, môi trường được nâng cao. Đã bước đầu hình thành một số tổ hợp công nghiệp hóa dầu và một số khu, cụm công nghiệp tập trung nhiều doanh nghiệp hóa chất.

Luật Hóa chất và các văn bản dưới luật đã hình thành một hệ thống quy định quản lý hóa chất tương đối toàn diện trong các lĩnh vực từ trung ương đến địa phương. Cùng với nỗ lực của các cơ quan quản lý nhà nước, các hoạt động xuất nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất bước đầu được quản lý chặt chẽ, góp phần giảm thiểu những tác động tiêu cực của hóa chất đến con người, môi trường, tài sản, đảm bảo trật tự, an ninh xã hội, cụ thể như:

- Nâng cao ý thức của doanh nghiệp, người dân về các tác hại trực tiếp, lâu dài của hóa chất, từ đó chủ động thực hiện các giải pháp để giảm thiểu các nguy cơ, tác hại và đảm bảo an toàn.

- Các hoạt động quản lý hóa chất thuộc Công ước cấm vũ khí hóa học được thực hiện tương đối tốt góp phần đảm bảo trật tự an ninh và thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của Việt Nam là thành viên tham gia Công ước.

- Việc quản lý chặt chẽ các hoạt động hợp pháp liên quan đến tiền chất công nghiệp (các hóa chất được sử dụng làm nguyên liệu, dung môi, chất xúc tiến trong sản xuất, nghiên cứu khoa học, phân tích, kiểm nghiệm, đồng thời là các hóa chất không thể thiếu trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy) nhằm không để tội phạm lợi dụng để sản xuất các chất ma túy bất hợp pháp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm ma túy, giúp củng cố an ninh, trật tự, an toàn xã hội của đất nước.

- Việc quản lý chặt chẽ các tiền chất thuốc nổ không để các thành phần xấu sử dụng sản xuất thuốc nổ trái phép ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn và phát triển kinh tế - xã hội (tiền chất thuốc nổ là các hóa chất lưỡng dụng vừa làm nguyên liệu phục vụ cho nhiều ngành sản xuất vừa là nguyên liệu phục vụ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, do tiền chất thuốc nổ là hóa chất nguy hiểm, mang tính oxy hóa mạnh nên khả năng cháy nổ rất lớn và có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu có tác nhân gây nổ).

- Các sự cố hóa chất có khả năng gây tác hại cho sức khỏe con người và môi trường trên diện rộng, thậm chí dẫn tới các thảm họa đối với người dân khu

vực xung quanh và hệ sinh thái. Việc triển khai các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất ở các cấp góp phần hạn chế nguy cơ xảy ra sự cố, tăng cường năng lực ứng phó của các lực lượng, góp phần giảm thiểu hậu quả của các sự cố hóa chất.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, nhiều quy định pháp luật mới như Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Phòng chống ma túy, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Luật Bảo vệ môi trường được ban hành sau này với nhiều điểm đổi mới so với thời điểm ban hành Luật Hóa chất. Những thay đổi này cùng với xu hướng chuyên hệ thống quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm, cải cách, hiện đại hóa hành chính dẫn tới việc các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hóa chất phải thay đổi theo, dần làm giảm tính hài hòa, thống nhất trong toàn bộ hệ thống quy định về quản lý hóa chất.

Đồng thời, trong bối cảnh chương trình cải cách hành chính đang được triển khai rộng khắp, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu, rộng với nền kinh tế thế giới, hệ thống quy định về quản lý hóa chất cần có những thay đổi phù hợp, hài hòa với hệ thống quản lý của các nước.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị quyết số 95/NQ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ tại Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết số 41/2023/UBTVQH15 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ Công Thương được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

- Xây dựng cơ sở pháp lý để đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa chất phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng được nêu tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 (trích Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng), cụ thể: “Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế như công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, **hóa chất**, phân bón, vật liệu...”; “phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”; “quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”, qua đó tăng cường

hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng với công tác quản lý hóa chất và ngành công nghiệp hóa chất.

- Xây dựng cơ sở pháp lý để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nêu tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể: “*Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: hóa chất (ưu tiên phát triển các loại hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, phân bón)*”; “*Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản*”.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với sự phát triển của ngành công nghiệp hóa chất, quản lý hóa chất, giảm thiểu tối đa rủi ro của các hoạt động hóa chất tới sức khỏe người dân, môi trường, tài sản, xã hội.

- Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để quản lý hoạt động hóa chất cơ bản ổn định trong những năm tiếp theo.

- Hòa nhập hệ thống pháp luật về quản lý hóa chất với quy định của các nước trên thế giới, góp phần tạo môi trường thông thoáng, thu hút đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia, các tập đoàn hóa chất lớn với công nghệ, hệ thống quản lý hiện đại, sản phẩm có giá trị cao trên thế giới mở rộng hoạt động tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam trong giao thương quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kế thừa và phát triển các quy định của Luật Hóa chất năm 2007, tránh gây khó khăn trong quá trình thực thi cho các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong hoạt động hóa chất.

- Tiếp cận với xu thế và hài hòa với hệ thống quản lý hóa chất của các nước trên thế giới nhưng phải đảm bảo tính khả thi trong điều kiện về trình độ phát triển, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực của Việt Nam.

- Thiết kế hệ thống thủ tục hành chính theo hướng đồng bộ, đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo hiệu lực quản lý; tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, đi kèm xây dựng cơ chế giám sát thực thi và tiến hành hậu kiểm hiệu quả.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm và đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia; thực hiện Chính phủ điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hóa chất.

- Áp dụng tối đa công nghệ thông tin, bắt kịp xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng tối đa khoa học công nghệ, lợi thế của môi trường mạng trong hoạt động quản lý để tránh phát sinh khối lượng công việc quá lớn cho cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương trong điều kiện nguồn nhân lực hạn chế, từ đó tập trung nâng cao chất lượng quản lý.

- Định hướng quản lý hóa chất dựa trên đánh giá rủi ro để lựa chọn hóa chất cần quản lý chặt chẽ nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực của cơ quan quản lý nhà nước, của xã hội trong giảm thiểu rủi ro, nguy hiểm của hóa chất. Áp dụng các quy định quản lý có mức độ chặt chẽ phù hợp với các loại hóa chất có mức độ rủi ro khác nhau một cách đồng bộ trong toàn bộ vòng đời từ khâu nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng và thải bỏ.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước ở địa phương trong việc quản lý hóa chất.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Bộ Công Thương đánh giá đối với các vấn đề sau đây:

1. Chính sách 1: Phát triển bền vững ngành công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại.

2. Chính sách 2: Quản lý hóa chất đồng bộ trong toàn bộ vòng đời.

3. Chính sách 3: Quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm.

4. Chính sách 4: Nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất.

Đối với từng chính sách, Bộ Công Thương đánh giá theo quy trình sau đây:

(i) Xác định vấn đề bất cập (mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả và nguyên nhân).

(ii) Mục tiêu giải quyết vấn đề.

(iii) Các giải pháp đề xuất (có giải pháp giữ nguyên hiện trạng).

(iv) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp).

(v) Kiến nghị và lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

1. Chính sách 1: Phát triển bền vững ngành công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại

1.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Các vấn đề bất cập được xác định bao gồm:

Trong quá trình tổng kết thi hành Luật Hóa chất hiện hành, đã phát hiện một số vấn đề bất cập, chưa rõ ràng hoặc chưa được quy định về phát triển công nghiệp hóa chất, cụ thể:

- Luật Hóa chất chỉ điều chỉnh với các hóa chất (bao gồm chất, hợp chất, hỗn hợp chất), tạm hiểu là các hóa chất cơ bản. Do đó, các quy định đối với dự án hóa chất trong Luật chỉ áp dụng với dự án hóa chất cơ bản. Tuy nhiên, theo phân ngành công nghiệp, công nghiệp hóa chất gồm 10 lĩnh vực: phân bón, hóa chất cơ bản, hóa dược, hóa dầu, các sản phẩm cao su, sơn - mực in, khí công nghiệp, nguồn điện hóa học (pin, ắc quy), hóa chất bảo vệ thực vật, sản phẩm chất tẩy rửa, hoá chất tiêu dùng. Do đó, “dự án hóa chất” trong công tác phát triển công nghiệp hóa chất cần được quy định cụ thể hơn.

- Hiện nay, theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, các quy hoạch ngành hóa chất, quy hoạch các sản phẩm hóa chất đã hết hiệu lực thi hành. Điều 8, Điều 9 của Luật Hóa chất đã được bãi bỏ theo quy định của Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch. Hoạt động đầu tư, phát triển ngành công nghiệp hóa chất được thực hiện theo các chiến lược phát triển, do đó cần bổ sung các quy định về trách nhiệm xây dựng và thực hiện chiến lược.

- Thực tế cho thấy, hóa chất đóng vai trò quan trọng và có mặt hầu hết các hoạt động kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp. Tuy nhiên, do đặc thù của ngành công nghiệp hóa chất thường là các dự án công nghiệp với mức đầu tư lớn, sử dụng số lượng lớn lao động, thời gian hoạt động kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố hoặc phát thải hóa chất ảnh hưởng đến sức khỏe con người, gây ô nhiễm môi trường, nên nhiều địa phương có chủ trương không thu hút đầu tư dự án hóa chất, các nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn, dẫn tới còn dè dặt. Do vậy, cần có cơ chế, chính sách ưu đãi hấp dẫn và có tính ổn định để thu hút đầu tư trong hoạt động hóa chất.

- Bên cạnh đó, việc phát triển ngành công nghiệp hóa chất theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường đóng vai trò quan trọng. Để thực hiện được việc này, Luật Hóa chất cần có những quy định cụ thể về quản lý dự án hóa chất, từ việc lựa chọn địa điểm, lựa chọn công nghệ, xây dựng các phương án bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường... ngay từ giai đoạn xây dựng dự án. Các quy định này đóng vai trò quan trọng quyết định hiệu quả, sự phát triển bền vững của dự án.

Tuy nhiên, các quy định về yêu cầu đối với dự án sản xuất, kinh doanh hóa chất tại Luật Hóa chất năm 2007 chủ yếu tập trung vào các yêu cầu đảm bảo an toàn hóa chất và bảo vệ môi trường, chưa đề cập đến các yêu cầu về định hướng phát triển ngành, chất lượng sản phẩm hay các yêu cầu về hóa học xanh.

- Chưa có quy định đối với tổ chức, cá nhân tư vấn xây dựng dự án hóa chất. Hiện nay, Bộ Xây dựng chỉ cấp chứng chỉ xây dựng cho tổ chức, cá nhân hoạt động đối với công trình công nghiệp, công nghiệp nhẹ, và công nghiệp nặng, không cấp riêng cho lĩnh vực hóa chất. Trong khi đó, các dự án hóa chất mang

tính đặc thù, chuyên môn sâu, do vậy cần có các quy định riêng đối với hoạt động tư vấn xây dựng dự án hóa chất.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

- Hiện nay, nhu cầu hóa chất trên thế giới giảm khiến đơn hàng sụt giảm, xuất khẩu chững lại, phải hạ giá bán trong khi chi phí sản xuất lại tăng mạnh. Các thị trường hóa chất xuất khẩu như Trung Quốc, Mỹ được dự báo sẽ giảm hơn nữa cho tới cuối năm nay, gây ra tác động không tốt đến các doanh nghiệp, làm sụt giảm doanh thu và lợi nhuận. Các doanh nghiệp hóa chất trong nước đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, gặp thách thức về khả năng chi phí điện, khi mà sản xuất hóa chất là một trong những ngành tiêu tốn nhiều năng lượng nhất, chi phí điện năng có thể chiếm tới 20-30% tổng chi phí sản xuất các loại hóa chất cơ bản. Việc nhập khẩu nguyên liệu hoá chất với mức giá cao cũng là khó khăn lớn.

- Đặc thù của ngành công nghiệp hóa chất thường là các dự án công nghiệp với mức đầu tư lớn, sử dụng đông lực lượng lao động, thời gian hoạt động kéo dài, đồng thời có nguy cơ phát thải hóa chất ảnh hưởng đến sức khỏe con người, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc phát thải các chất gây biến đổi khí hậu. Chi phí đầu tư và chi phí bảo vệ môi trường lớn là trở ngại cho doanh nghiệp.

- Nhiều doanh nghiệp chưa tiếp cận cơ hội của các hiệp định thương mại tự do, nguyên liệu còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, chưa tạo thành chuỗi cung ứng giữa các sản phẩm hoá chất, chưa có nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao (như cao su kỹ thuật, hoá chất cơ bản phẩm cấp cao, các loại khí hiếm, nhựa và vật liệu cao cấp...). Do đó, tình hình thu hút, triển khai nhiều dự án hóa chất còn chậm, nhiều dự án trong quy hoạch phát triển ngành hóa chất chưa được triển khai. Sản phẩm thuộc ngành công nghiệp hoá chất hiện nay chỉ tập trung chủ yếu vào các sản phẩm truyền thống cho nhu cầu thị trường nội địa.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

- Luật Hóa chất chỉ điều chỉnh với các hóa chất (bao gồm chất, hợp chất, hỗn hợp chất), tạm hiểu là các hóa chất cơ bản. “Dự án hóa chất” trong công tác phát triển công nghiệp hóa chất chưa được hiểu rộng theo phân ngành.

- Hiện nay, hóa chất không phải là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và không được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư năm 2020 về ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Đến ngày 26/3/2021, theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, sản xuất hóa dầu, hóa dược, hóa chất cơ bản và cao su mới được đưa vào danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Thực tế, hầu như chỉ có các đại dự án hoặc các dự án đầu tư vào các địa bàn khó khăn, chính quyền địa phương ưu tiên tối đa để thu hút phát triển công nghiệp mới được hưởng ưu đãi.

- Hiện nay, theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, các quy hoạch ngành hóa chất, quy hoạch các sản phẩm hóa chất đã hết hiệu lực thi hành. Điều 8, Điều 9 của Luật Hóa chất đã được bãi bỏ theo quy định của Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Các quy định về yêu cầu đối với dự án sản xuất, kinh doanh hóa chất tại Luật Hóa chất tập trung vào đảm bảo an toàn hóa chất và bảo vệ môi trường, chưa đề cập đến các yêu cầu về định hướng phát triển ngành, chất lượng sản phẩm hay các yêu cầu về hóa học xanh.

- Luật Hóa chất chưa có quy định về quản lý dự án hóa chất.

- Việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hiện nay không cấp riêng cho lĩnh vực hóa chất, thay vào đó, Bộ Xây dựng chỉ cấp cho tổ chức cá nhân hoạt động đối với công trình công nghiệp, công nghiệp nhẹ, và công nghiệp nặng, việc thực hiện chỉ vận dụng đối với các tổ chức, cá nhân được công nhận đối với công trình công nghiệp.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại.

- Phát triển ngành công nghiệp hóa chất theo đúng định hướng, đảm bảo phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, an toàn và thân thiện với môi trường.

- Đảm bảo an toàn cho con người, tài sản, hệ sinh thái và môi trường, hướng đến lồng ghép các tiêu chí hóa học xanh và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai phương án đề xuất giải quyết vấn đề này:

(i) Phương án 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành về phát triển công nghiệp hóa chất.

(ii) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến phát triển công nghiệp hóa chất, cụ thể:

- Quy định chính sách của Nhà nước đối với việc phát triển công nghiệp hóa chất theo hướng kế thừa quy định tại Điều 6 Luật Hóa chất năm 2007, đồng thời sửa đổi, bổ sung theo các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất đã được xây dựng trong Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 726/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022.

- Bổ sung các quy định về xây dựng và thực thi chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất theo hướng quy định rõ yêu cầu đối với nội dung của chiến lược; giai đoạn lập chiến lược; trách nhiệm xây dựng, thẩm quyền phê duyệt và trách nhiệm tổ chức thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất (Điều 8).

- Xây dựng các quy định đặc thù đối với dự án hóa chất bao gồm trách nhiệm của chủ đầu tư dự án hóa chất; các nội dung cần được xem xét, đánh giá trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, giai đoạn quyết định đầu tư dự án hóa chất nhằm đáp ứng các yêu cầu về công nghệ, an toàn hóa chất và bảo vệ môi

trường, hướng đến lồng ghép các tiêu chí hóa học xanh và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (Điều 9). Chính phủ sẽ quy định chi tiết về các nguyên tắc hóa học xanh, quy định chi tiết việc thực hiện các quy định đặc thù đối với dự án hóa chất, đảm bảo lồng ghép tối đa vào các quy trình, thủ tục về đầu tư, xây dựng tại Luật Đầu tư, Luật Xây dựng.

- Quy định các lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt bao gồm các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm cần ưu tiên phát triển để cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất khác, dự án đầu tư khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất, cụm công nghiệp chuyên ngành hóa chất, tổ hợp hóa chất... nhằm tạo cơ chế, chính sách phù hợp để triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại (Điều 10).

- Hóa chất là lĩnh vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố, ảnh hưởng đến môi trường, con người và tài sản, do đó Dự thảo bổ sung quy định về điều kiện chuyên môn, cấp chứng chỉ đối với một số hoạt động tư vấn liên quan trực tiếp đến công nghệ và an toàn hóa chất nhằm nâng cao hiệu quả công tác an toàn hóa chất, đảm bảo quyền lợi cho các chủ đầu tư dự án, lựa chọn được các giải pháp công nghệ, xây dựng, an toàn phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm chi phí (Điều 11).

- Bãi bỏ quy định về trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh hóa chất trong việc phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án về biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (khoản 4 Điều 10 Luật Hóa chất năm 2007) do các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Tác động của phương án 1: Giữ nguyên các quy định về phát triển công nghiệp hóa chất

a) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên như hiện nay, các vấn đề tồn tại, bất cập (đã phát hiện) sẽ không được giải quyết; khó thu hút được nhà đầu tư trong nước để phát triển công nghiệp hóa chất; ngành công nghiệp hóa chất phát triển khó theo đúng định hướng, không phát huy được vai trò của ngành công nghiệp nền tảng để hỗ trợ các ngành kinh tế khác phát triển.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Nếu các tồn tại, bất cập hiện nay không được giải quyết có thể gây ra tâm lý lo ngại cho các nhà đầu tư. Việc không thu hút được đầu tư sẽ không tạo thêm công ăn, việc làm cho người lao động. Các dự án tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro mất an toàn cho người lao động và cộng đồng cư dân.

c) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tiêu cực: Chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước không được thể chế hóa đầy đủ. Phải tham chiếu nhiều VBQPPL dẫn đến vướng mắc, chồng chéo trong áp dụng luật; một số quy định chưa phù hợp với đặc thù của ngành hóa chất.

1.4.2. Tác động của phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến phát triển công nghiệp hóa chất

a) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Việc bổ sung, sửa đổi các quy định liên quan đến phát triển công nghiệp hóa chất theo hướng thuận lợi hơn cho nhà đầu tư nên có thể thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hóa chất phát triển theo đúng định hướng, hỗ trợ được các ngành kinh tế khác phát triển, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và cả nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với cơ quan Nhà nước: phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

+ Đối với nhà đầu tư: Có thể phát sinh nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu đối với dự án hóa chất.

b) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Việc thu hút được các nhà đầu tư sẽ tạo thêm công ăn, việc làm cho người lao động.

+ Các dự án phải đạt yêu cầu theo quy định, giảm thiểu nguy cơ rủi ro mất an toàn cho người lao động và cộng đồng cư dân.

+ Góp phần sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực xã hội.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện.

c) Tác động về giới

Không có.

d) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh thủ tục cấp chứng chỉ hoạt động cho tổ chức, cá nhân hoạt động tư vấn trong lĩnh vực hóa chất.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Giải quyết các tồn tại, bất cập hiện nay của Luật Hóa chất, thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm tính đồng bộ với pháp luật có liên quan.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

f) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Chính sách sẽ tác động tích cực đến các cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư hóa chất.

- Đối với nhà đầu tư: Tạo điều kiện đầu tư tốt hơn, tiếp cận được với các cơ chế ưu đãi đầu tư.

- Đối với Nhà nước: Khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực hóa chất góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...; Tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hoạt động đầu tư trong lĩnh vực hóa chất; góp phần đảm bảo an toàn và trật tự xã hội.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, cho thấy việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến phát triển công nghiệp hóa chất tại Luật Hóa chất mới có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2.

2. Chính sách 2: Quản lý hóa chất đồng bộ trong toàn bộ vòng đời

2.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Các vấn đề bất cập được xác định bao gồm:

- Quy định về quản lý hóa chất tại Luật Hóa chất năm 2007 chủ yếu tập trung vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu hóa chất. Doanh nghiệp khi kinh doanh một loại hóa chất có thể phải thực hiện khai báo khi nhập khẩu, phải có giấy phép hoặc giấy chứng nhận để được thực hiện kinh doanh, phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc với từng lần mua hoặc bán. Trong khi đó, các quy định đối với hoạt động sử dụng hóa chất chưa đảm bảo được hiệu lực quản

lý, các quy định về vận chuyển, thải bỏ hóa chất còn chung chung và chưa được quan tâm, dẫn đến những lỗ hổng quản lý trong chu trình vòng đời của hóa chất.

Các quy định về hoạt động sử dụng hóa chất hiện nay chưa tương xứng với mức độ rủi ro khi so sánh với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất. Các doanh nghiệp sử dụng hóa chất hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau, có những đơn vị sử dụng hóa chất với lượng lớn, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro, thực tế đã có nhiều sự cố hóa chất xảy ra tại các cơ sở sử dụng hóa chất. Hiện nay, các tổ chức, cá nhân sử dụng hoá chất ít bị ràng buộc, điều chỉnh bởi quy định pháp luật về hoá chất, nên mức độ quan tâm và hiểu biết quy định về quản lý hóa chất chưa cao, chưa đáp ứng được mục tiêu quản lý hoá chất.

Nhiều hóa chất nguy hiểm bị sử dụng sai mục đích (hóa chất công nghiệp nhưng sử dụng trong chế biến thực phẩm; tiền chất công nghiệp có nguy cơ sử dụng trong pha chế chất ma túy trái quy định, hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và thực phẩm bị lạm dụng trong vui chơi giải trí...) gây ra.

- Luật Hóa chất và các văn bản hướng dẫn còn thiếu các quy định phù hợp để quản lý các đối tượng sản xuất, kinh doanh hóa chất có tính chất đặc thù như: i) sản xuất, kinh doanh hóa chất nhỏ lẻ (khó khăn trong việc áp dụng các quy định chung về điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất); ii) các đơn vị thực hiện kinh doanh hóa chất trung gian, không lưu trữ hóa chất; iii) hoạt động tồn trữ hóa chất tại các kho ngoại quan, cảng biển, cảng sông... iv) hoạt động phối trộn, pha loãng hóa chất (theo quy định là hoạt động sản xuất hóa chất) chỉ để sử dụng, phục vụ cho dây chuyền hoạt động của nội bộ doanh nghiệp, không tạo ra thương phẩm để lưu thông trên thị trường.

- Hiện nay, các danh mục hóa chất được xây dựng dựa trên mức độ nguy hại của hóa chất đã bộc lộ những hạn chế, các danh mục hóa chất vừa thừa vừa thiếu, nhiều hóa chất nguy hiểm chưa có trong danh mục nào, trong khi nhiều hóa chất trong danh mục rất ít có mặt ở Việt Nam. Các danh mục hóa chất chỉ dựa trên mức độ nguy hại của hóa chất và không dựa trên thực tế hoạt động hóa chất sẽ làm phân tán, tiêu tốn nguồn lực của cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp dẫn tới không tập trung được vào các loại hóa chất có nguy cơ cao.

- Hoạt động hóa chất được diễn ra trong nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Luật Hóa chất năm 2007 phân công trách nhiệm quản lý hóa chất cho các Bộ, ngành theo hóa chất sử dụng trong từng lĩnh vực. Các lĩnh vực y tế, nông nghiệp... tuy đều có các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý hóa chất và phát huy hiệu quả trong thực tế, nhưng cách thức quản lý hóa chất tại các văn bản này có nhiều điểm khác nhau và chưa được bám sát theo quy định tại Luật Hóa chất để phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, dẫn đến sự triển khai thiếu đồng bộ giữa các Bộ, ngành. Bên cạnh đó, một hóa chất có thể được sử dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, việc phân công trách nhiệm quản lý hóa chất giữa các ngành theo mục đích, lĩnh vực sử dụng không phù hợp với tính đa dụng của hóa chất, rất khó xác định hóa chất đang lưu thông trên thị trường sẽ được sử dụng trong lĩnh vực nào. Thực tế hiện nay, doanh nghiệp nhập khẩu ure làm hóa chất nguyên liệu đầu vào để sản xuất keo dán công nghiệp nhưng phải

thực hiện theo các quy định nhập khẩu về phân bón. Hoặc N_2O bị sử dụng sai mục đích làm khí cười trong vui chơi giải trí nhưng không xác định được nguồn gốc từ N_2O sử dụng trong công nghiệp hay phụ gia thực phẩm, y tế. Nhiều trường hợp doanh nghiệp khai báo mục đích sử dụng trong các lĩnh vực có quy định quản lý “cởi mở” hơn nhưng sau đó lại sử dụng vào các mục đích bị cấm, hạn chế hoặc có kiểm soát đặc biệt. Do đó, cần thiết phải có quy định chung, tổng thể đối với tất cả các loại hóa chất, từ đó phân công phù hợp giữa các ngành, lĩnh vực để thống nhất, phối hợp quản lý, đảm bảo không chồng chéo nhưng cũng không để khoảng trống nhằm giảm thiểu nguy cơ hóa chất bị sử dụng sai mục đích.

- Theo quy định hiện hành chỉ hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo mới phải thực hiện khai báo khi nhập khẩu, dẫn đến khả năng nhiều hóa chất nguy hiểm, độc hại được nhập khẩu vào Việt Nam mà cơ quan quản lý không có thông tin, không giám sát được, tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro. Cùng với sự phát triển đa dạng các hoạt động công nghiệp, nhiều loại hóa chất mới lần đầu được nhập khẩu vào Việt Nam dẫn đến Danh mục hóa chất phải khai báo không thể điều chỉnh hoặc thay đổi kịp thời, dẫn tới khó khăn trong việc xác định các loại hóa chất mới để áp dụng quy trình quản lý.

- Các quy định về bảo mật thông tin còn chung chung, chưa cụ thể nên khó khăn trong việc xây dựng quy trình hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính hoặc báo cáo định kỳ hàng năm.

- Bên cạnh những kết quả đã đạt được, CSDLHCQG mới vận hành trong giai đoạn đầu còn nhiều nội dung, chức năng cần hoàn thiện: thiếu liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất của các ngành, lĩnh vực khác như y tế, nông nghiệp...; dữ liệu hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, thông tin về hoạt động hóa chất của nhiều doanh nghiệp, một số Sở Công Thương chưa được cập nhật; sự thiếu toàn diện và dữ liệu đầu vào dẫn tới các chức năng về đánh giá rủi ro hóa chất, hỗ trợ các lực lượng trực tiếp ứng phó sự cố hóa chất chưa được đáp ứng đầy đủ.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

Việc không có các quy định cụ thể đối với từng đối tượng sản xuất kinh doanh hóa chất có tính đặc thù (ví dụ: cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất nhỏ lẻ; các đơn vị thực hiện kinh doanh hóa chất trung gian, không lưu trữ hóa chất; hoạt động tồn trữ hóa chất tại các kho ngoại quan, cảng ...) sẽ có khả năng dẫn đến việc một số đối tượng không có tính tự giác lợi dụng kẽ hở của pháp luật để trốn tránh việc tuân thủ các quy định của nhà nước, khiến việc quản lý hóa chất về tổng thể mất tính chặt chẽ, khó kiểm soát. Đặc biệt, trong bối cảnh nhiều hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp có tính lưỡng dụng cao bị lợi dụng để sử dụng sai mục đích gây ra nhiều khó khăn trong việc quản lý hoạt động sử dụng hóa chất (ví dụ: hóa chất công nghiệp nhưng sử dụng trong chế biến thực phẩm; các loại dung môi trong ngành sơn, in ấn bị lợi dụng pha vào xăng, dầu; tiền chất công nghiệp được sử dụng để chế chất ma túy, chất kích thích bất hợp pháp...). Hơn nữa, cũng do tính lưỡng dụng mà hóa chất được sử dụng trong các hoạt động ngành nghề, lĩnh vực khác nhau thuộc sự quản lý của các Luật, quy định khác nhau nên khó xác

định việc quản lý hóa chất đó thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ, ngành nào, tạo ra lỗ hổng lớn trong khâu quản lý, kiểm soát.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

- Luật Hóa chất và các văn bản hướng dẫn còn thiếu các quy định phù hợp để quản lý các đối tượng sản xuất, kinh doanh hóa chất có tính chất đặc thù như: i) sản xuất, kinh doanh hóa chất nhỏ lẻ (khó khăn trong việc áp dụng các quy định chung về điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất); ii) các đơn vị thực hiện kinh doanh hóa chất trung gian, không lưu trữ hóa chất; iii) hoạt động tồn trữ hóa chất tại các kho ngoại quan, cảng biển, cảng sông...

- Quy định chưa đủ cụ thể đối với tổ chức, cá nhân thực hiện phối trộn, pha loãng hóa chất (theo quy định là hoạt động sản xuất hóa chất) chỉ để sử dụng, phục vụ cho dây chuyền hoạt động của nội bộ công ty, không tạo ra thương phẩm để lưu thông trên thị trường.

- Hoạt động xuất nhập khẩu hóa chất chưa được quản lý chặt chẽ về mặt an toàn, hạn chế rủi ro trong giai đoạn lưu kho tại kho cảng, đặc biệt là các kho ngoại quan.

- Các quy định về hoạt động sử dụng hóa chất hiện nay chưa tương xứng với mức độ rủi ro khi so sánh với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất. Hiện nay, các tổ chức, cá nhân sử dụng hoá chất ít bị ràng buộc, điều chỉnh bởi quy định pháp luật về hoá chất, nên mức độ quan tâm và hiểu biết quy định về quản lý hóa chất chưa cao, chưa đáp ứng được mục tiêu quản lý hoá chất.

- Nhiều hóa chất công nghiệp nguy hiểm bị sử dụng sai mục đích (hóa chất công nghiệp nhưng sử dụng trong chế biến thực phẩm; các loại dung môi trong ngành sơn, in ấn bị lợi dụng pha vào xăng, dầu; tiền chất công nghiệp có nguy cơ sử dụng trong pha chế chất ma túy trái quy định...) gây ra nhiều khó khăn cho cơ quan quản lý và doanh nghiệp.

- Chưa có quy định cụ thể về vận chuyển hóa chất trong Luật, việc phân công quản lý hoạt động vận chuyển hóa chất cho các Bộ, ngành khác nhau gây khó khăn cho việc tuân thủ quy định của các doanh nghiệp cũng như sự thống nhất trong quản lý nhà nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tăng cường mức độ và hiệu quả quản lý, đảm bảo các hóa chất tùy theo mức độ nguy hại sẽ được kiểm soát với mức độ chặt chẽ khác nhau trong toàn bộ quá trình từ sản xuất, nhập khẩu đến khi thải bỏ.

- Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính đồng bộ, thúc đẩy phát triển các hoạt động hóa chất an toàn theo đúng quy định pháp luật.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Phương án 1: Giữ nguyên quy định quản lý các hoạt động hóa chất như Luật Hóa chất hiện nay.

- Phương án 2: Sửa đổi các quy định quản lý hóa chất theo hướng quản lý chặt chẽ, đồng bộ, xuyên suốt toàn bộ vòng đời hóa chất, cụ thể:

- Quy định về quản lý Hóa chất cấm:

+ Hóa chất cấm là hóa chất đặc biệt nguy hiểm đối với sức khỏe con người, môi trường, quốc phòng và an ninh được quy định trong Danh mục hóa chất cấm ban hành theo Luật Đầu tư hoặc do Quốc hội ban hành.

+ Tổ chức, cá nhân không được phép sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, tồn trữ, sử dụng Hóa chất cấm, trừ trường hợp đặc biệt để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp Giấy phép sản xuất, nhập khẩu Hóa chất cấm cho tổ chức, doanh nghiệp.

+ Các hoạt động trong vòng đời Hóa chất cấm phải tuân thủ các điều kiện và quy định nghiêm ngặt.

- Quy định quản lý Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt:

+ Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do Chính phủ ban hành, bao gồm: Hóa chất nguy hiểm cần kiểm soát đặc biệt để thực thi Công ước Rotterdam, Công ước Minamata về thủy ngân, Công ước Stockholm và các điều ước quốc tế liên quan đến hóa chất và hoạt động hóa chất mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Hóa chất nguy hiểm cần kiểm soát đặc biệt để bảo đảm không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe con người, tài sản, môi trường;

+ Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được kiểm soát về kỹ thuật an toàn, phạm vi, loại hình, quy mô, thời hạn sản xuất, kinh doanh và mục đích sử dụng;

+ Bộ Công Thương thống nhất quản lý và cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hoặc xác nhận khai báo nhập khẩu Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

+ Tổ chức, cá nhân sử dụng Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia trước khi sử dụng. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng quy định chi tiết điều kiện, quy định quản lý việc sử dụng Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trong phạm vi quản lý, trình Chính phủ ban hành.

- Quy định quản lý Hóa chất có điều kiện:

+ Danh mục hóa chất có điều kiện do Chính phủ ban hành, bao gồm các hóa chất có mức độ nguy hiểm cao;

+ Tổ chức, cá nhân hoạt động Hóa chất có điều kiện phải tuân thủ các điều kiện để không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe con người, tài sản, môi trường;

+ Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất quản lý và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh Hóa chất có điều kiện;

+ Tổ chức cá nhân nhập khẩu hóa chất phải thực hiện khai báo tự động (không có xác nhận) qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

+ Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng quy định chi tiết điều kiện, quy định quản lý việc sử dụng Hóa chất có điều kiện trong phạm vi quản lý, trình Chính phủ ban hành.

- Tổ chức, cá nhân thực hiện tồn trữ Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Hóa chất có điều kiện của nhiều tổ chức, cá nhân phải được cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

- Bổ sung quy định quản lý hóa chất nguy hiểm:

+ Hoạt động hóa chất nguy hiểm phải thực hiện các điều kiện đảm bảo an toàn Luật đã quy định;

+ Tổ chức cá nhân nhập khẩu hóa chất nguy hiểm phải thực hiện khai báo tự động (không có xác nhận) qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

+ Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng quy định chi tiết điều kiện, quy định quản lý việc sử dụng hóa chất nguy hiểm trong phạm vi quản lý, trình Chính phủ ban hành.

- Kế thừa quy định tại Luật Hóa chất năm 2007 về đăng ký, đánh giá, quản lý hóa chất mới; thông tin về hóa chất; phân loại, ghi nhãn và bao gói hóa chất; Phiếu an toàn hóa chất; Bảo mật thông tin; Danh mục hóa chất quốc gia và Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia; Quảng cáo hóa chất.

- Bổ sung các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ các cam kết quốc tế về quản lý hóa chất mà Việt Nam là quốc gia thành viên; phân công Cơ quan đầu mối thực hiện cam kết quốc tế về quản lý hóa chất.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định quản lý các hoạt động hóa chất như Luật Hóa chất hiện nay

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên như hiện nay, các vấn đề tồn tại, bất cập (đã phát hiện) sẽ không được giải quyết. Việc giàn trải quản lý gây tiêu tốn nguồn lực, phát sinh kinh phí trong quá trình triển khai hoạt động quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời phát sinh chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình thực thi các quy định. Việc quản lý không đồng bộ giữa các khâu trong vòng đời hóa chất dẫn tới giảm hiệu lực và hiệu quả quản lý, từ đó gia tăng nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất, hóa chất bị sử dụng sai mục đích, ảnh hưởng đến an toàn, trật tự xã hội.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không phát sinh thủ tục hành chính mới do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Chính sách không phát sinh tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

2.4.2. Phương án 2: Sửa đổi các quy định quản lý hóa chất theo hướng quản lý chặt chẽ, đồng bộ, xuyên suốt toàn bộ vòng đời hóa chất

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Việc tập trung quản lý chặt chẽ các hóa chất có mức độ rủi ro cao xuyên suốt vòng đời hóa chất góp phần tiết kiệm nguồn lực và tăng cường hiệu quả quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

+ Đối với doanh nghiệp, tổ chức: Tăng cường nhận thức và mức độ tuân thủ của doanh nghiệp đối với các quy định của nhà nước, từ đó nâng cao tình an toàn trong hoạt động hóa chất của chính doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí khắc phục hậu quả sự cố, thất thoát hóa chất (nếu có) và chi phí cho quá trình thực thi các quy định đối với các hóa chất có mức độ rủi ro thấp;

+ Đối với người dân: Tăng cường hiệu lực quản lý, đảm bảo các hóa chất với mức độ rủi ro cao sẽ được quản lý chặt chẽ xuyên suốt trong toàn bộ vòng đời từ sản xuất, nhập khẩu đến khi thải bỏ, từ đó đảm bảo công tác an toàn hóa chất, hạn chế tình trạng hóa chất bị sử dụng sai mục đích gây mất an toàn, trật tự xã hội.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan;

+ Đối với doanh nghiệp, tổ chức: Phát sinh chi phí để tuyên truyền, phổ biến các quy định được sửa đổi, bổ sung;

+ Đối với người dân: Không có tác động tiêu cực đến người dân.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

- Tác động tích cực: Cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không cần thiết đối với các loại hóa chất có mức độ rủi ro thấp.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh các thủ tục hành chính mới trong hoạt động sử dụng, vận chuyển, thải bỏ đối với những hóa chất có mức độ rủi ro cao.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tích cực:

+ Hệ thống quản lý hóa chất được xây dựng đồng bộ xuyên suốt vòng đời của hóa chất phù hợp với tính chất nguy hiểm, kết quả đánh giá rủi ro và yêu cầu đảm bảo an toàn, trật tự xã hội;

+ Việc sửa đổi các quy định quản lý hóa chất theo hướng quản lý chặt chẽ, đồng bộ xuyên suốt toàn bộ vòng đời hóa chất sẽ làm tăng tính tương thích của các quy định quản lý hóa chất tại Việt Nam với yêu cầu quản lý một số loại hóa chất đặc biệt của các Công ước như: Công ước Cấm vũ khí hóa học về quản lý các hóa chất Bảg, Công ước Stockholm về quản lý các chất hữu cơ khó phân hủy (POP), Công ước Minamata về quản lý thủy ngân, Công ước Rotterdam về quản lý một số chất hóa học và bảo vệ thực vật. Đây cũng là một trong các nghĩa vụ của quốc gia thành viên khi tham gia các Công ước quốc tế.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, Bộ Công Thương quyết định chọn Phương án 2: Sửa đổi các quy định quản lý hóa chất theo hướng quản lý chặt chẽ, đồng bộ, xuyên suốt toàn bộ vòng đời hóa chất.

Phương án sửa đổi các quy định quản lý hóa chất theo hướng quản lý chặt chẽ, đồng bộ, xuyên suốt toàn bộ vòng đời hóa chất sẽ có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan, sẽ giúp giải quyết được vấn đề đang tồn tại, bất cập trong những năm qua.

3. Chính sách 3: Quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm

3.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Các vấn đề bất cập được xác định bao gồm:

Thực tế hiện nay có nhiều sản phẩm như sơn, mực in và keo dán, chất tẩy rửa... do trong thành phần có chứa hóa chất nguy hiểm nhưng người tiêu dùng chưa được cung cấp thông tin về các thành phần nguy hiểm hoặc thông tin còn chung chung do chưa có quy định, chưa có cảnh báo nguy hiểm về nguy cơ cháy nổ, nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe đối với người tiếp xúc. Trong khi đó, những đối tượng sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm như trên hiện chưa được điều chỉnh trong Luật Hóa chất và cũng chưa được điều chỉnh trong các văn bản chuyên ngành khác.

Đây là vấn đề quan trọng, là xu hướng quản lý hoá chất của thế giới, do vậy cần xây dựng cơ chế quản lý, cung cấp thông tin về các loại hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm tiêu dùng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến người dân, gây gánh nặng cho công tác xử lý chất thải có chứa hóa chất độc hại có thể ảnh hưởng lâu dài đến môi trường.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

- Tác động tiêu cực đến quyền lợi người tiêu dùng khi người tiêu dùng không được cung cấp thông tin về hàm lượng chất trong sản phẩm, hướng dẫn sử dụng sản phẩm để có thể lựa chọn sử dụng các sản phẩm an toàn, hiệu quả.

- Người sử dụng có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất từ các sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm, đồng thời các loại hóa chất này còn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và làm phát sinh chi phí xử lý môi trường sau khi các sản phẩm này được thải bỏ.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

- Thực tế, hiện nay có nhiều sản phẩm như sơn, mực in và keo dán, chất tẩy rửa... do trong thành phần có chứa hóa chất nguy hiểm nhưng chưa có cảnh báo nguy hiểm về nguy cơ cháy nổ, nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe đối với người tiếp xúc (cháy nổ, chất gây kích ứng...). Tuy nhiên, những đối tượng sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm như trên hiện chưa được điều chỉnh trong Luật Hóa chất và cũng chưa được điều chỉnh trong các văn bản chuyên ngành khác.

- Quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm là vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe con người, là xu hướng quản lý hoá chất của thế giới (các nước châu Âu, Nhật,..). Do vậy cần xây dựng cơ chế quản lý các sản phẩm có chứa hóa chất nguy hiểm, đặc biệt là các sản phẩm tiêu dùng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến người dân, hoặc chứa hóa chất độc hại có thể ảnh hưởng lâu dài đến môi trường.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Theo kịp xu thế của các nước trên thế giới về việc quản lý hóa chất trong sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm tiêu dùng có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất nguy hiểm đối với người sử dụng nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe cho người sử dụng và môi trường.

- Ngăn chặn việc nhập khẩu vào Việt Nam các sản phẩm hàng hóa kém phẩm chất, có hàm lượng hóa chất nguy hiểm cao đã bị hạn chế sử dụng ở các quốc gia khác trên thế giới.

- Giảm nguy cơ phát thải ra môi trường các chất thải là sản phẩm sau sử dụng có chứa hóa chất nguy hại với hàm lượng lớn.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Phương án 1: Giữ nguyên các quy định hiện nay trong Luật Hóa chất.**

- **Phương án 2: Bổ sung các quy định về quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, cụ thể:**

- Bổ sung xây dựng Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm cần quản lý.

- Bổ sung quy định cách thức quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm bao gồm: kiểm soát rủi ro sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm bằng cách xây dựng quy trình quản lý hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm, công bố thông tin hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm. Việc đánh giá rủi ro sẽ được các doanh nghiệp thực hiện tại báo cáo hoạt động hàng năm về hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm.

- Bổ sung quy định trách nhiệm của tổ chức cá nhân sản xuất, nhập khẩu, mua bán các sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm.

- Đối với các hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm đã có Quy chuẩn kỹ thuật: Thực hiện theo các quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng hàng hóa và công bố thông tin tại Cơ sở dữ liệu hóa chất Quốc gia.

- Đối với các hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm cần quản lý chưa có Quy chuẩn kỹ thuật: bổ sung quy định chung về xây dựng danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm cần quản lý; Các hóa chất này cần thực hiện xây dựng quy trình quản lý hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm (Điều 62) và công bố thông tin hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm tại Cơ sở dữ liệu hóa chất Quốc gia (Điều 63). Các quy định trên được xây dựng theo hướng minh bạch thông tin đến công chúng, bảo vệ người tiêu dùng, giảm thiểu rủi ro đối với an toàn, sức khỏe, không gia tăng thủ tục hành chính, thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định trách nhiệm về thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm của các Bộ, ngành và địa phương theo hướng tăng cường hậu kiểm.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Phương án 1: Giữ nguyên các quy định hiện nay trong Luật Hóa chất.

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên như hiện nay, các vấn đề tồn tại, bất cập (đã phát hiện) sẽ không được giải quyết. Các sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến người sử dụng, đặc biệt là các sản phẩm tiêu dùng. Người sử dụng có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất từ các sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm. Đồng thời, các loại hóa chất này còn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và làm phát sinh chi phí xử lý môi trường sau khi các sản phẩm này được thải bỏ.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không phát sinh thủ tục hành chính mới do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tích cực: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tiêu cực: Không hiện thực hóa được chủ trương, chính sách về phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước: “lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái”.

3.4.2. Phương án 2: Bổ sung các quy định về quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với các cơ quan quản lý nhà nước: Có công cụ để quản lý hàm lượng các hóa chất độc hại trong sản phẩm, ngăn chặn việc nhập khẩu vào Việt Nam các sản phẩm hàng hóa kém phẩm chất, có hàm lượng hóa chất nguy hiểm cao đã bị hạn chế sử dụng ở các quốc gia khác trên thế giới;

+ Đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan: Giảm thiểu tác động của hóa chất độc hại tới sức khỏe con người, giảm nguy cơ phát thải ra môi trường các chất thải là sản phẩm sau sử dụng có chứa hóa chất nguy hại với hàm lượng lớn;

+ Đối với người dân: Tăng cường bảo vệ an toàn cho người sử dụng thông qua việc hạn chế, loại bỏ các sản phẩm có chứa hóa chất nguy hiểm lưu thông trên

thị trường; giảm nguy cơ phát thải ra môi trường các chất thải là sản phẩm có chứa hóa chất nguy hại với hàm lượng lớn.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với các cơ quan quản lý nhà nước: Phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan;

+ Đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan: Phát sinh chi phí để tuyên truyền, phổ biến các quy định được sửa đổi, bổ sung;

+ Đối với người dân: Không có tác động tiêu cực đến người dân.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh các thủ tục hành chính về quản lý hàm quản lý hóa chất độc hại trong sản phẩm.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tích cực: Theo kịp xu thế của các nước trên thế giới về việc quản lý hóa chất trong sản phẩm; đồng bộ với các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; phù hợp với chính sách phát triển “lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu”.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, cho thấy việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quản lý hóa chất trong sản phẩm có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Các chính sách về quản lý hóa chất trong sản phẩm dự kiến được ban hành trong Luật, thẩm quyền ban hành là Quốc Hội; Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách nêu trên dự kiến được ban hành tại Nghị định, thẩm quyền ban hành là Chính phủ.

4. Chính sách 4: Nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất

4.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Các vấn đề bất cập được xác định bao gồm:

- Hệ thống tiêu chuẩn an toàn đối với trang thiết bị trong hoạt động hóa chất còn hạn chế, chưa điều chỉnh hết các hoạt động liên quan các loại hóa chất nguy

hiểm; quy định về điều kiện an toàn trong hoạt động hóa chất còn thiếu cụ thể dẫn đến khó thực thi.

- Việc tuân thủ các yêu cầu đối với nhà xưởng, kho chứa, quản lý hóa chất nguy hiểm còn hạn chế do việc ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn sau khi các nhà máy đã hoạt động. Điều này gây khó khăn trong công tác sửa đổi, chỉnh sửa lại cơ sở vật chất của các doanh nghiệp và việc hướng dẫn, thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất, cũng như gây khó khăn cho việc thực hiện của doanh nghiệp.

- Theo quy định hiện hành, việc xây dựng Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất và huấn luyện an toàn hóa chất do doanh nghiệp tự thực hiện, cơ quan quản lý chỉ hậu kiểm nên nhiều đơn vị xem nhẹ, không thực hiện hoặc thực hiện đối phó, hình thức, chưa đảm bảo công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất.

- Điều 36 Luật Hóa chất quy định Chủ đầu tư chỉ được đưa dự án vào hoạt động sau khi Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt. Thực tế, các Kế hoạch thường được thẩm định khi dự án đã hoàn thành thi công xây dựng và trước khi đưa vào hoạt động chính thức. Trong một số trường hợp, quá trình thẩm định kế hoạch phát sinh yêu cầu cải tạo một số hạng mục hay bổ sung các giải pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn hóa chất, dẫn đến những thay đổi so với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công, điều này dẫn tới thiếu đồng bộ trong công tác quản lý.

- Mặc dù các doanh nghiệp đã chủ động hơn trong công tác xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, tuy nhiên trên thực tế còn một số trường hợp các doanh nghiệp đã xây dựng từ trước khi Luật Hóa chất năm 2007 được ban hành, hoặc trong quá trình xây dựng chưa được tuân thủ đúng các quy định về đảm bảo an toàn kỹ thuật dẫn tới việc phải phá dỡ, cải tạo gây thiệt hại về kinh tế và gián đoạn cho quá trình hoạt động của tổ chức, cá nhân do quá trình thẩm định kế hoạch được thực hiện sau khi nhà máy đã xây dựng.

- Chất lượng hoạt động huấn luyện an toàn hóa chất chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều doanh nghiệp còn thực hiện một cách hình thức, nội dung huấn luyện sơ sài và chưa đi vào thực tế công việc của người lao động, huấn luyện thực hành về an toàn, ứng phó sự cố hóa chất cho người lao động làm việc trực tiếp với hóa chất còn hạn chế, chất lượng đội ngũ giảng viên còn chưa đồng đều và đảm bảo chất lượng.

- Tại một số quốc gia tại khu vực Châu Á, công tác ứng phó sự cố hóa chất được đặc biệt quan tâm do mức độ ảnh hưởng của sự cố hóa chất tới sức khỏe con người, môi trường và kinh tế là vô cùng to lớn. Nhiều quốc gia đã thực hiện xây dựng các khu vực đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho công tác ứng phó khi xảy ra sự cố hóa chất. Tuy nhiên, hiện nay tại Việt Nam công tác liên quan đến hoạt động ứng phó sự cố hóa chất của các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất còn hạn chế do thiếu năng lực, kiến thức trong hoạt động ứng phó sự cố hóa chất và đặc

biệt là chưa có đơn vị, tổ chức nào có đủ năng lực chuyên môn đào tạo chuyên sâu về nhiệm vụ này.

- Việc tiếp cận tình huống sự cố ở cấp tỉnh, cấp quốc gia còn chưa nhận nhiều sự quan tâm dẫn tới công tác diễn tập ứng phó sự cố hóa chất ở quy mô lớn còn chưa được triển khai một cách rộng rãi trên địa bàn toàn quốc.

b) Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

- Gây khó khăn trong công tác hướng dẫn, thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất, cũng như gây khó khăn cho việc thực hiện của doanh nghiệp.

- Công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất chưa thực sự được xem trọng, chưa đảm bảo an toàn trong hoạt động hóa chất.

c) Nguyên nhân của vấn đề:

Luật Hóa chất và các văn bản hướng dẫn còn thiếu các quy định yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất (nhà xưởng, kho chứa...); chưa có các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các vấn đề kỹ thuật cụ thể như hệ thống thiết bị, chiếu sáng, thông gió...

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, ý thức của doanh nghiệp, kỹ năng của người lao động trong việc đảm bảo an toàn hóa chất.

- Nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất từ các cơ sở hóa chất đến các cấp chính quyền địa phương và trung ương.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Phương án 1: Giữ nguyên quy định quản lý các hoạt động hóa chất như Luật Hóa chất hiện nay.

- Phương án 2: Bổ sung các quy định nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất, cụ thể:

- Tổ chức cá nhân phải tuân thủ các điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật, chuyên môn và các trách nhiệm để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và tồn trữ hóa chất.

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất do chủ đầu tư dự án hóa chất tự thực hiện hoặc thông qua đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án; Chủ đầu tư dự án hóa chất có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

Trong quá trình kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng khi hoàn thành, đưa vào sử dụng, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm

kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong Quyết định phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất. Chủ đầu tư dự án hóa chất có trách nhiệm lồng ghép kế hoạch ứng phó sự cố môi trường vào Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất có trách nhiệm báo cáo, cập nhật Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của tổ chức, cá nhân lên hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất hoặc cử người lao động liên quan đến hóa chất tham gia các khóa huấn luyện của các tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất, định kỳ 02 năm/lần.

- Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan xây dựng nội dung, nhiệm vụ, cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định quản lý các hoạt động hóa chất như Luật Hóa chất hiện nay

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên như hiện nay, các vấn đề tồn tại, bất cập (đã phát hiện) sẽ không được giải quyết, nguy cơ xảy ra các sự cố về hóa chất gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới con người, tài sản và môi trường.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không phát sinh thủ tục hành chính mới do giữ nguyên quy định hiện tại.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Chính sách không phát sinh tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

4.4.2. Phương án 2: Bổ sung các quy định nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Công tác đảm bảo an toàn hóa chất được nâng cao giúp tăng cường hiệu quả quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

+ Đối với doanh nghiệp, tổ chức: Tăng cường nhận thức và mức độ tuân thủ của doanh nghiệp đối với các quy định của nhà nước, từ đó nâng cao tính an toàn trong hoạt động hóa chất của chính doanh nghiệp, nâng cao hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất, hạn chế nguy cơ sự cố hóa chất ảnh hưởng đến con người, tài sản và môi trường; giảm thiểu chi phí khắc phục hậu quả sự cố;

+ Đối với người dân: Nâng cao kỹ năng của người lao động đảm bảo an toàn, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan;

+ Đối với doanh nghiệp, tổ chức: Phát sinh chi phí để tuyên truyền, phổ biến các quy định được sửa đổi, bổ sung;

+ Đối với người dân: Không có tác động tiêu cực đến người dân.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh thêm thủ tục hành chính về xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất và huấn luyện an toàn hóa chất.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tích cực: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong đảm bảo an toàn hóa chất.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, Bộ Công Thương quyết định chọn Phương án 2: Bổ sung các quy định nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất.

Phương án “Bổ sung các quy định nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất” sẽ có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan, sẽ giúp giải quyết được vấn đề đang tồn tại, bất cập trong những năm qua.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Báo cáo đánh giá tác động chính sách là thành phần trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Hóa chất (sửa đổi) đã được gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và đăng tải trên Công Thông tin điện tử của Chính phủ và Công Thông tin điện tử của Bộ Công Thương. Sau khi Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật được thông qua, trong quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp tục triển khai lấy ý kiến tham vấn rộng rãi các cơ quan, tổ chức, hiệp hội từ Trung ương đến địa phương, cá nhân, chuyên gia trong nước và ngoài nước, các tổ chức khai thác, sử dụng nước... đối với các nội dung liên quan đến các chính sách đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Bộ Công Thương đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập, tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm, các buổi làm việc về dự thảo Luật với cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế, tổ chức hội thảo tại ba miền.

- Ngày, Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số gửi các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan và các đơn vị có liên quan trong Bộ, các tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia; Công văn số gửi Công thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến đối với dự thảo Luật Hóa chất (sửa đổi). Đến nay, cơ quan chủ trì soạn thảo đã nhận được ý kiến góp ý của .../21 bộ, cơ quan ngang bộ; .../63 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Công Thương; .../28 đơn vị trực thuộc Bộ; ... tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức sử dụng hóa chất lớn và ... ý kiến góp ý trên Công thông tin điện tử Chính phủ.

Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ ngành, địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến đóng góp, chỉnh sửa dự thảo Luật, dự thảo Tờ trình và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Hóa chất (sửa đổi). Bộ Công Thương cũng đã tổ chức các hội thảo chuyên đề với các chuyên gia, nhà khoa học để nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện dự thảo Luật.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Bộ Công Thương, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý tài nguyên nước ở địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Cơ quan giám sát thực hiện các chính sách: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận; công dân.